

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HSST

Ngày 12-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân.

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Ngô Vũ Tường V, tên gọi khác: D, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Quang D1 và bà Võ Thị K; Vợ, con: Không có; Tiền án: Ngày 01/3/2003 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 27 năm tù về tội “*Giết người*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, ngày 30/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2022 đến ngày 18/01/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 10/5/2023 bị cáo bị áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1973 tại tỉnh Bình Dương.

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nơi ở hiện tại: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Huỳnh Thị T (chết); Chồng, con: Không có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2022 đến ngày 18/01/2023 thay đổi biện

pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 10/5/2023 bị cáo bị áp dụng biện pháp C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phan Nữ Khánh V1, sinh năm 1984;

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ K1, sinh năm 1993;

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Đội 1, xóm H, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Đỗ Thị Tường V2, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Đ, Thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Đ, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Đặng H, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Trần Thị G, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Đ, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Đ, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Bà Nguyễn Thị Minh S, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Xóm X, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1974;

12. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979;

Cùng nơi cư trú: Xóm X, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

13. Bà Trương Thị Mỹ N2, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

14. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Đ, thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Ông Trần Thanh P1, sinh năm 1979;

16. Bà Hồ Thị H3, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Đ, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

17. Bà Lương Thị N3, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Đ, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

18. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

19. Ông Nguyễn Phi D3, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Đ, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

20. Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Xóm K, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

21. Ông Trần Quốc H4, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ F, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

22. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1970;

23. Bà Võ Thị Kim T2, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

24. Bà Phạm Thị N5, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

25. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Xóm B, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N chung sống với nhau như vợ chồng (chưa đăng ký kết hôn) tại thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2021, V và N thuê mặt bằng buôn bán hàng ăn uống tại xã T, thành phố Q. Lúc này có nhiều người hỏi V, N vay tiền nên V và N bắt đầu hoạt động cho vay tiền, thu lãi. Sau đó, thông qua những mối quan hệ quen biết, V và N giới thiệu mình có cho vay tiền và đưa số điện thoại di động để ai có nhu cầu vay tiền thì gọi điện thoại hoặc gặp trực tiếp V, N. Sau đó V và N hẹn gặp tại nhà của người vay hoặc tại nhà ông Ngô Quang D1, bà Võ Thị K (cha, mẹ ruột bị cáo V) tại thôn P, xã T, thành phố Q hoặc địa điểm khác để thỏa thuận việc cho vay tiền. Khi người vay đồng ý vay thì V và N yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng. Sau khi người vay đã nhận tiền vay, Nguyễn Ngọc N sử dụng 07 cuốn vở loại vở dùng cho học sinh để ghi chép hoạt động vay, thu tiền.

Hàng ngày Nguyễn Ngọc N đến nhà người vay thu tiền vay hoặc người vay đến nhà ông D1, bà K tại thôn P, xã T, thành phố Q để trả tiền vay hoặc hẹn người vay tại điểm khác để thu hoặc bằng hình thức người vay chuyển tiền vào tài khoản số 060257514040 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, chi nhánh S2 của Ngô Vũ Tường V.

Trường hợp người vay trả tiền gốc, tiền lãi chậm thì V và N gọi điện hoặc nhắn tin nhắc nợ yêu cầu người vay trả tiền; nếu người vay không trả tiền thì V

và N đến nhà yêu cầu người vay trả nợ. Số tiền lãi, tiền gốc cho vay thu hàng ngày Nguyễn Ngọc N cất giữ.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2022, Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N đã cho 25 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 3.672.500.000 đồng, số tiền gốc đã thu 3.000.250.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu từ người vay 762.000.000 đồng, trong đó lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 75.820.090 đồng, lãi suất vượt mức quy định là 686.179.910 đồng, cụ thể:

1. Bà Phan Nữ Khánh V1 vay 02 (hai) lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất vay 0,80%/ngày (tương đương với 292%/năm). Tổng số tiền lãi bà V1 đã trả là 8.000.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 547.945 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.452.055 đồng. Bà V1 đã trả xong tiền gốc.

2. Bà Nguyễn Thị Đ vay 03 (ba) lần, tổng số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất vay 0,61%/ngày (tương đương 221%/năm). Bà Đ đã trả 25.100.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 454.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.545.205 đồng.

3. Bà Đoàn Thị H1 vay 13 lần, tổng số tiền vay là 190.000.000 đồng, lãi suất vay 0,80%/ngày (tương đương 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 175.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 38.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 2.405.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 35.594.521 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Minh S vay 08 (tám) lần, tổng số tiền vay là 240.000.000 đồng, lãi suất vay 0,30%/ngày (tương đương 110%/năm). Bà S đã trả 216.600.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi đã trả là 36.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 5.934.247 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 30.065.753 đồng.

5 Bà Đỗ Thị Tường V2 vay 05 lần, tổng số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất vay 0,67%/ngày (tương đương 243%/năm). Số tiền lãi đã trả là 10.000.000 đồng, tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.178.082 đồng. Bà V2 đã trả xong tiền gốc.

6. Ông Đặng H vay 02 lần, tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất vay 0,40%/ngày (tương đương 146%/năm). Ông H đã trả 90.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi đã trả là 10.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 1.232.877 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.767.123 đồng.

7. Chị Nguyễn Thị Mỹ K1 vay 02 (hai) lần, tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng, lãi suất từ 0,44%/ngày đến 0,80%/ngày (tương đương từ 162% đến 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 41.000.000 đồng. Tiền lãi đã trả là 13.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 791.781 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 12.208.219 đồng.

8. Bà Trần Thị Ngọc A vay 07 lần, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày (tương đương 221%/năm). Tiền gốc đã trả là 66.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 14.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 1.166.667 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 12.833.333 đồng.

9. Bà Trương Thị Mỹ N2 vay 08 lần, tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày đến 0,80%/ngày (tương đương 221%/năm đến 292%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 18.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 1.405.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.594.521 đồng. Bà N2 đã trả đủ tiền gốc.

Ngoài ra, bà N2 còn vay 01 lần tiền đúng với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/ngày (tương đương 303%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng; trong đó tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 1.232.874 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 13.767.126 đồng. Bà N2 chưa trả tiền gốc của khoản vay này.

10. Ông Trần Thanh P1 vay tổng cộng 05 lần, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 0,80%/ngày (tương đương 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 40.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 10.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 553.425 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.446.575 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Kim P vay 05 lần, tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày đến 0,80%/ngày (tương đương từ 221%/năm đến 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 42.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 761.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.238.356 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị T1 vay 07 lần, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày (tương đương với 221%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 14.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 1.265.753 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 12.734.247 đồng. Bà T1 đã trả đủ tiền gốc.

13. Bà Hồ Thị H3 vay 09 lần, tổng số tiền là 520.000.000 đồng, lãi suất 0,45%/ngày (tương đương 166%/năm). Tiền gốc đã trả là 483.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 78.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 8.745.205 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 69.254.795 đồng.

14. Bà Huỳnh Thị H2 vay 13 lần, tổng số tiền là 315.000.000 đồng, lãi suất từ 0,30%/ngày đến 0,61%/ngày (tương đương từ 110%/năm đến 221%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 276.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 55.500.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 5.268.493 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 50.231.507 đồng.

15. Ông Trần Quốc H4 vay 05 lần, tổng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày (tương đương 221%/năm). Tiền gốc đã trả là 81.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 20.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của

Bộ luật Dân sự là 1.479.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 18.520.548 đồng.

Ngoài ra, ông H4 còn vay 01 lần tiền đứng với số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 0,50%/ngày (tương đương 183%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.342.466 đồng. Ông H4 chưa trả tiền gốc của khoản vay này.

16. Bà Lương Thị N3 vay 12 lần, tổng số tiền là 240.000.000 đồng, lãi suất 0,80%/ngày (tương đương 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 230.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 48.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 3.161.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 44.838.356 đồng.

17. Bà Trần Thị G vay 01 (một) lần số tiền vay là 5.000.000 đồng, lãi suất 0,80%/ngày (tương đương 292%/năm). Tiền gốc đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 16.438 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 983.562 đồng.

18. Bà Nguyễn Thị N4 vay tổng cộng 04 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 0,61%/ngày (tương đương với 221%/năm). Tiền gốc đã trả là 33.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 602.740 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.397.260 đồng.

19. Bà Nguyễn Thị D2 vay 12 lần, tổng số tiền vay là 780.000.000 đồng, lãi suất từ 0,45%/ngày đến 0,60%/ngày (tương đương với 166%/năm đến 219%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 718.000.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 117.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 11.841.096 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 105.158.904 đồng.

20. Bà Nguyễn Thị N1 vay 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 0,80%/ngày (tương đương 292%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 273.973 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.726.027 đồng. Bà N1 đã trả đủ tiền gốc.

21. Bà Phạm Thị B vay 03 lần, tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, lãi suất 0,67%/ngày (tương đương 243%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 50.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã trả là 18.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 821.918 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 17.178.082 đồng.

Bà B còn vay 01 lần tiền đứng với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,33%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 369.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.630.137 đồng. Bà B chưa trả tiền gốc của khoản vay này.

22. Bà Võ Thị Kim T2 vay 04 lần, tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng, lãi suất 0,67%/ngày (tương đương với 243%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 24.000.000 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là

1.972.603 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 22.027.397 đồng. Bà T2 đã trả đủ tiền gốc.

Ngoài ra, bà T2 còn vay 01 lần tiền đúng với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,33%/ngày; tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 739.726 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.260.274 đồng. Bà T2 chưa trả tiền gốc của khoản vay này.

23. Bà Phạm Thị N5 vay 07 lần, tổng số tiền vay là 42.500.000 đồng, lãi suất 0,80%/ngày tương đương 243%/năm. Tổng số tiền gốc đã trả là 37.600.000 đồng, Tổng số tiền lãi đã trả là 8.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 582.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.917.808 đồng.

24. Ông Nguyễn Phi D3 vay 01 lần tiền đúng, số tiền vay là 200.000.000 đồng, lãi suất 0,33%/ngày tương đương 120%/năm. Tổng số tiền lãi đã trả là 60.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 50.136.987 đồng. Ông D3 chưa trả tiền gốc.

25. Ông Nguyễn Hữu T3 vay 02 lần tiền đúng, với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất từ 0,50%/ngày đến 0,53%/ngày (tương đương từ 182%/năm đến 193%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 104.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự là 10.849.316 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 93.150.684 đồng. Ông T3 chưa trả tiền gốc.

Tiến hành giám định trích xuất dữ liệu điện thoại thu giữ của V2 và N. Tại Bản kết luận giám định số 1197/KL-KTHS ngày 10/02/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Điện thoại di động hiệu S3, màu xanh đen, có gắn thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao 0973589211, dữ liệu trích xuất danh bạ bao gồm trong máy và thẻ sim, tìm thấy 24 tên, số điện thoại lưu trữ trong danh bạ của máy điện thoại và thẻ sim. Điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh đen, có gắn một thẻ sim VIETTEL có số thuê bao 0986456962, dữ liệu trích xuất trong danh bạ bao gồm trong máy và thẻ sim, tìm thấy 48 tên, số điện thoại lưu trữ trong danh bạ của máy điện thoại và thẻ sim (Bút lục 185-190).

Ngày 24/3/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cung cấp kết quả thông tin số tài khoản 0060257514040 của khách hàng Ngô Vũ Tường V, sao kê thông tin chuyển khoản từ 01/01/2021 đến ngày 04/12/2022 (Bút lục từ 206-282).

Quá trình điều tra Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N còn khai có cho nhiều người vay trong năm 2022 nhưng V, N không rõ về lai lịch cụ thể của những người này. Ngoài ra, còn có một số người vay có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của V. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành liên hệ nhưng không liên lạc được và không xác định được địa chỉ nên không làm việc được. Cơ quan điều tra có văn bản gửi Công ty V4, V5 chi nhánh Q1 và M1 khu vực 3 yêu cầu cung cấp thông tin chủ các thuê bao nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với những người vay có tên, ký hiệu tên tại các sổ vay như: C Viên, cô S, C Thủy dứa, Trang N6, A Hoàng L, C N7, T4 (Q cháo), Cô H5 (Quế), Lân H6, Hồ N, D, T, C Nhung cá, Xuân T5, cô H5, Q cháo, L1, Đ1 (T), Bích T6, N8 (TAn), T5 (TAn), T4 (cháo), Hoa Quyết, T7 sương (TL), T8 cá, H7 (TK), T9 (N), CĐào, Â (NHành), Thu H8, Q, T10 (T), C.Hương Tk, C T11 (H1 cầu gãy), Thắng B1, T9 ba, Thảo X, Chị T12, Ngọc Mỹ P2, Nguyễn Thị Thu B2, Phạm Thị V3, Nguyễn Thành T13, Mai Thị T14, Nguyễn Thị Bé D4, Phan Thị Kim A1, Phan Thị Châu T15, Phạm Thị V3, Nguyễn Văn T16, Trương Thị Thúy L2, C T14, N6, Nguyễn Thị Thu H9, Phạm Thị H10, Đặng Thị Thu H11, Phan Thị H12, Bùi Ngọc H13, Đặng Thanh C1, Nguyễn Thị Bích T17, Phạm Thị Xuân T18, Vương Thị Phương T19, Võ Thị Ái N9, Nguyễn Thị H9, Nguyễn Thị Bích T20, Lê Thị T21, Huỳnh Ngọc T22. Bị cáo V và N không biết cụ thể về lai lịch, đồng thời có một số người vay có lai lịch cụ thể thì Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng họ không có mặt tại địa phương, nên không làm việc được, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 09/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Vũ Tường V từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 350.000.000 đến 400.000.000 đồng.

** Về biện pháp tư pháp:*

- Buộc các bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã thu là 3.000.250.000 đồng, số tiền lãi đã thu mà pháp luật cho phép là 75.820.090 đồng.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 672.250.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị Đ nộp 4.900.000 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 nộp 14.400.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S nộp 23.400.000 đồng,
- + Ông Đặng H nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Mỹ K1 nộp 24.000.000 đồng,

- + Bà Trần Thị Ngọc A nộp 3.700.000 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 nộp 9.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P nộp 2.200.000 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 nộp 36.500.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 nộp 38.750.000 đồng,
- + Ông Trần Quốc H4 nộp 38.200.000 đồng,
- + Bà Lương Thị N3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Trần Thị G nộp 3.800.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị N4 nộp 6.700.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 nộp 62.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị B nộp 70.000.000 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 nộp 30.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị N5 nộp 4.900.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 200.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 70.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo trả lại cho người vay số tiền lãi thu vượt quá qui định của Bộ luật Dân sự tổng số tiền là 686.179.910 đồng, cụ thể:

- + Bà Phan Nữ Khánh V1 là 7.452.055 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Đ là 5.545.205 đồng, đã trả 3.000.000 đồng còn phải trả 2.545.205 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 là 35.594.521 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S là 30.065.753 đồng,
- + Bà Đỗ Thị Tường V2 là 9.178.082 đồng,
- + Ông Đặng H là 8.767.123 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Mỹ K1 là 12.208.219 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A là 12.833.333 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 là 30.361.647 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 là 9.446.575 đồng, đã trả 3.500.000 đồng còn phải trả 5.946.575 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P là 8.238.356 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T1 là 12.734.247 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 là 69.254.795 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 là 50.231.507 đồng,

- + Ông Trần Quốc H4 là 23.863.014 đồng
- + Bà Lương Thị N3 là 44.838.356 đồng,
- + Bà Trần Thị G là 983.562 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N4 là 7.397.260 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 là 105.158.904 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N1 là 3.726.027 đồng,
- + Bà Phạm Thị B là 19.808.219 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 là 27.287.671 đồng,
- + Bà Phạm Thị N5 là 7.917.808 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 là 50.136.987 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 là 93.150.684 đồng.

** Về xử lý vật chứng:*

- 07 (bảy) cuốn vở học sinh của bị cáo N sử dụng theo dõi hoạt động cho vay, thu tiền lãi; 02 (hai) hợp đồng vay tiền và 02 (hai) giấy mượn tiền lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu xám, biển kiểm soát 61B2-227.56 đứng tên bị cáo N, các bị cáo sử dụng để đi thu tiền của người vay; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh đen, có gắn một thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao 0986456962 là của Nguyễn Ngọc N sử dụng liên lạc với những người vay tiền để thu tiền và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, có gắn thẻ sim Viettel số thuê bao 0973589211 của Ngô Vũ Tường V và số tiền 4.855.883 đồng đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 thẻ Ngân hàng tên NGO VU TUONG VI của bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Chứng minh nhân dân số 212630664 tên Huỳnh Ngọc T22 và chứng minh nhân dân số 212732647 tên Phạm Thị N5 đã trả lại cho chị N5, anh T22.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Vios màu xám, biển kiểm soát 76A - 018.70 là tài sản của Ngô Vũ Tường V, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô 76A-018.70 cho bị cáo V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2022, Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N đã thực hiện giao dịch dân sự cho 25 người ở địa bàn thành phố Q và huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với mức lãi suất từ 0,30%/ngày đến 0,83%/ngày (tương đương 110%/năm đến 303%/năm), vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 5,5 đến 15,2 lần để thu lợi bất chính với tổng số tiền là 686.179.910 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N có đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm các bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện. Do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, chặt chẽ cho từng bị cáo. Các bị cáo đều là người thực hành, trực tiếp cho vay và thu lợi bất chính số tiền 686.179.910 đồng. Bị cáo N là người ghi chép sổ vay và quản lý tiền cho vay.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Vũ Tường V, ngày 01/3/2003 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 27 năm tù về tội “Giết người” và tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 30/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N có 09 lần thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục trả lại một phần số tiền lãi vượt cho ông Trần Thanh P1, bà

Nguyễn Thị Đ và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Ngô Vũ Tường V có chú, bác ruột là Liệt sĩ; bà nội được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cha ruột được hưởng chính sách như thương binh nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[7] Về nhân thân: Bị cáo Ngô Vũ Tường V có nhân thân xấu; bị cáo Nguyễn Ngọc N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 07 (bảy) cuốn vở học sinh là của bị cáo N sử dụng theo dõi hoạt động cho vay, thu tiền lãi; 02 (hai) hợp đồng vay tiền và 02 (hai) giấy mượn tiền kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu xám, biển số 61B2 - 227.56 là tài sản của bị cáo N, sử dụng để đi thu tiền của người vay; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh đen, có gắn một thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao 0986456962 là của Nguyễn Ngọc N sử dụng liên lạc với những người vay tiền để thu tiền và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, có gắn thẻ sim Viettel số thuê bao 0973589211 của Ngô Vũ Tường V tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 thẻ Ngân hàng tên NGO VU TUONG VI của bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

- Chứng minh nhân dân số 212630664 tên Huỳnh Ngọc T22 và chứng minh nhân dân số 212732647 tên Phạm Thị N5 đã trả lại cho chị N5, anh T22.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Vios màu xám, biển kiểm soát 76A - 018.70 là tài sản của Ngô Vũ Tường V, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô 76A-018.70 cho bị cáo V.

[9] Về các biện pháp tư pháp:

[9.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N đã cho vay là 3.672.500.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 3.000.250.000 đồng. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N nộp vào Ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với số tiền 75.820.090 đồng tiền lãi các bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là tiền do phạm tội mà có nên buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N nộp vào ngân sách nhà nước.

[9.3] Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho các bị cáo: Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 672.250.000 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị Đ nộp 4.900.000 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 nộp 14.400.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S nộp 23.400.000 đồng,

- + Ông Đặng H nộp 10.000.000 đồng,
- + Chị Nguyễn Thị Mỹ K1 nộp 24.000.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A nộp 3.700.000 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 nộp 9.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P nộp 2.200.000 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 nộp 36.500.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 nộp 38.750.000 đồng,
- + Ông Trần Quốc H4 nộp 38.200.000 đồng,
- + Bà Lương Thị N3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Trần Thị G nộp 3.800.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị N4 nộp 6.700.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 nộp 62.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị B nộp 70.000.000 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 nộp 30.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị N5 nộp 4.900.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 nộp 200.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 nộp 70.000.000 đồng.

[9.4] Đối với số tiền là 686.179.910 đồng mà các bị cáo đã thu lãi vượt quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N trả lại cho những người vay, cụ thể:

- + Bà Phan Nữ Khánh V1 là 7.452.055 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Đ là 5.545.205 đồng, đã trả 3.000.000 đồng còn phải trả 2.545.205 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 là 35.594.521 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S là 30.065.753 đồng,
- + Bà Đỗ Thị Tường V2 là 9.178.082 đồng,
- + Ông Đặng H là 8.767.123 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Mỹ K1 là 12.208.219 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A là 12.833.333 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 là 30.361.647 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 là 9.446.575 đồng, đã trả 3.500.000 đồng còn phải trả 5.946.575 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P là 8.238.356 đồng,

- + Bà Nguyễn Thị T1 là 12.734.247 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 là 69.254.795 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 là 50.231.507 đồng,
- + Ông Trần Quốc H4 là 23.863.014 đồng,
- + Bà Lương Thị N3 là 44.838.356 đồng,
- + Bà Trần Thị G là 983.562 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N4 là 7.397.260 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 là 105.158.904 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N1 là 3.726.027 đồng,
- + Bà Phạm Thị B là 19.808.219 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 là 27.287.671 đồng,
- + Bà Phạm Thị N5 là 7.917.808 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 là 50.136.987 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 là 93.150.684 đồng,

[10] Đối với những đối tượng và tình tiết có liên quan:

[10.1] Các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N còn khai có cho nhiều người vay trong năm 2022 nhưng V, N không rõ về lai lịch cụ thể của những người này. Ngoài ra, còn có một số người vay có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của V. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành liên hệ nhưng không liên lạc được và không xác định được địa chỉ nên không làm việc được. Cơ quan điều tra có văn bản gửi Công ty V4, V5 chi nhánh Q1 và M1 khu vực 3 yêu cầu cung cấp thông tin chủ các thuê bao nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[10.2] Đối với những người vay có tên, ký hiệu tên tại các sổ vay như: C Viên, cô S, C Thủy dừa, Trang N6, A Hoàng L, C N7, T19 (Q cháo), Cô H5 (Quế), Lê H6, Hồ N, D, T, C Nhung cá, Xuân T18, cô H5, Q cháo, L1, Đ1 (T), Bích T17, N9 (TAn), T18 (TAn), T19 (cháo), Hoa Quyết, T7 sương (TL), T15 cá, H12 (TK), T21 (N), CĐào, Á (NHành), Thu H11, Q, T10 (T), C.Hương Tk, C T11 (H1 câu gậy), Thắng B1, T21 ba, Thảo X, Chì T12, Ngọc Mỹ P2, Nguyễn Thị Thu B2, Phạm Thị V3, Nguyễn Thành T13, Mai Thị T14, Nguyễn Thị Bé D4, Phan Thị Kim A1, Phan Thị Châu T15, Phạm Thị V3, Nguyễn Văn T16, Trương Thị Thúy L2, C T14, N6, Nguyễn Thị Thu H9, Phạm Thị H10, Đặng Thị Thu H11, Phan Thị H12, Bùi Ngọc H13, Đặng Thanh C1, Nguyễn Thị Bích T17, Phạm Thị Xuân T18, Vương Thị Phương T19, Võ Thị Ái N9, Nguyễn Thị H9, Nguyễn Thị Bích T20, Lê Thị T21, Huỳnh Ngọc T22. Bị cáo V và N không biết cụ thể về lai lịch, đồng thời có một số người vay có lai lịch cụ thể thì Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng họ không có mặt tại địa phương, nên không làm việc được, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

[11] Các bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi số tiền 3.000.000 đồng, do đó tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002263 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.855.883 đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 10/11/2023 của Công an thành phố Q chuyển từ tài khoản số 3949.0.9043031.00000 của Công an thành phố Q đến tài khoản số 3949.0.1075855.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q để đảm bảo thi hành án.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về tội danh đối với các bị cáo có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; về mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N có phần nghiêm khắc. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Ngô Vũ Tường V phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”;

Xử phạt bị cáo Ngô Vũ Tường V 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2022 đến ngày 18/01/2023.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 250.000.000 đồng (*Hai trăm, năm mươi triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ 07 cuốn vở học sinh (còn gọi là sổ) là của bị cáo Nguyễn Ngọc N sử dụng theo dõi hoạt động cho vay, thu tiền lãi nên lưu hồ sơ vụ án.

+ 02 hợp đồng vay tiền và 02 (hai) giấy mượn tiền lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu xám, biển số 61B2-227.56 là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc N, sử dụng để đi thu tiền của người vay.

+ 01 (một) túi niêm phong mã số PS3 2013030 bên trong có 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu xanh đen, bên trong có gắn 01 thẻ sim Viettel có số thuê bao 0973589211 và 01 (một) điện thoại Iphone, màu xanh đen, có gắn một thẻ sim V4 có số thuê bao 0986456962, bên ngoài có chữ ký của giám định viên và hình dấu tròn của Phòng K2 Công an tỉnh Q của Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N sử dụng liên lạc với những người vay tiền để thu tiền.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ Ngân hàng tên NGO VU TUONG VI của bị cáo Ngô Vũ Tường V, sử dụng vào việc phạm tội.

Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N nộp số tiền gốc đã thu từ người vay là 3.000.250.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

4.2. Buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N phải nộp số tiền lãi các bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là 75.820.090 đồng để sung ngân sách nhà nước.

4.3. Buộc những người vay phải nộp số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho các bị cáo để sung ngân sách nhà nước tổng số tiền là 672.250.000 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị Đ nộp 4.900.000 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 nộp 14.400.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S nộp 23.400.000 đồng,
- + Ông Đặng H nộp 10.000.000 đồng,
- + Chị Nguyễn Thị Mỹ K1 nộp 24.000.000 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A nộp 3.700.000 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 nộp 9.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P nộp 2.200.000 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 nộp 36.500.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 nộp 38.750.000 đồng,
- + Ông Trần Quốc H4 nộp 38.200.000 đồng,
- + Bà Lương Thị N3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Trần Thị G nộp 3.800.000 đồng

- + Bà Nguyễn Thị N4 nộp 6.700.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 nộp 62.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị B nộp 70.000.000 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 nộp 30.000.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị N5 nộp 4.900.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 nộp 200.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 nộp 70.000.000 đồng.

4.4. Buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự) cho những người vay tổng số tiền là 686.179.910 đồng, cụ thể:

- + Bà Phan Nữ Khánh V1 là 7.452.055 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Đ là 5.545.205 đồng, đã trả 3.000.000 đồng còn phải trả 2.545.205 đồng,
- + Bà Đoàn Thị H1 là 35.594.521 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Minh S là 30.065.753 đồng,
- + Bà Đỗ Thị Tường V2 là 9.178.082 đồng,
- + Ông Đặng H là 8.767.123 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Mỹ K1 là 12.208.219 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A là 12.833.333 đồng,
- + Bà Trương Thị Mỹ N2 là 30.361.647 đồng,
- + Ông Trần Thanh P1 là 9.446.575 đồng, đã trả 3.500.000 đồng còn phải trả 5.946.575 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P là 8.238.356 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T1 là 12.734.247 đồng,
- + Bà Hồ Thị H3 là 69.254.795 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị H2 là 50.231.507 đồng,
- + Ông Trần Quốc H4 là 23.863.014 đồng,
- + Bà Lương Thị N3 là 44.838.356 đồng,
- + Bà Trần Thị G là 983.562 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N4 là 7.397.260 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị D2 là 105.158.904 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị N1 là 3.726.027 đồng,
- + Bà Phạm Thị B là 19.808.219 đồng,
- + Bà Võ Thị Kim T2 là 27.287.671 đồng,

- + Bà Phạm Thị N5 là 7.917.808 đồng,
- + Ông Nguyễn Phi D3 là 50.136.987 đồng,
- + Ông Nguyễn Hữu T3 là 93.150.684 đồng,

4.5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002263 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.855.883 đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 10/11/2023 của Công an thành phố Q chuyển từ tài khoản số 3949.0.9043031.00000 của Công an thành phố Q đến tài khoản số 3949.0.1075855.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Ngô Vũ Tường V và Nguyễn Ngọc N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Đội tổng hợp, CATP Quảng Ngãi;
- CQTHAHS CATP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Hoa